

# CÔNG TÁC GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

- HƠN 10 NĂM NHÌN LẠI

PGS. TS. Trần Xuân Bình

*Khoa xã hội học và Công tác xã hội- Trường Đại học Khoa học Huế*

[txbinhxhh@yahoo.com](mailto:txbinhxhh@yahoo.com); [txbinhxhh@husc.edu.vn](mailto:txbinhxhh@husc.edu.vn)

## **Tóm tắt:**

*Việc đổi mới toàn diện, căn bản giáo dục đào tạo từ niên chế sang tín chỉ là một xu hướng tất yếu của thời đại, trong đó đổi mới công tác học liệu là một khâu then chốt. Viễn cảnh tối ưu hệ thống thông tin, giáo trình và tài liệu đáp ứng nhu cầu đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo tiên phong, có bề dày kinh nghiệm và ở nước tiên tiến, cần được xem như là những hình mẫu nên chia sẻ, học hỏi. Từ đó xem xét, đánh giá khách quan hiện trạng, vấn đề đặt ra và hướng đi của công tác giáo trình, tài liệu trong đào tạo tín chỉ tại Đại học Khoa học Huế nói riêng, Đại học Huế nói chung là hết sức cấp bách. Trong đó cần chú trọng các khâu: Cải tiến và đổi mới từng bước, từng bộ phận công tác quản lý thư viện; Hiện đại hóa công tác giáo trình, tài liệu, “sản xuất học liệu”; Thu hút, bổ sung nguồn giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo; Hợp tác Quốc tế để tranh thủ ngoại lực trong phát triển học liệu; Liên kết hệ thống mạng lưới thông tin, thư viện phục vụ tối đa về nhu cầu người học, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.*

**Từ khóa:** Đào tạo tín chỉ; Giáo trình; Tài liệu

Tham gia dự án “Công nghệ đào tạo và hệ thống việc làm” và trả lời với những chuyển đổi của nền giáo dục nước nhà, đặc biệt là chuyển từ đào tạo niên chế sang tín chỉ vào những năm 2007 - 2010. Tác giả đã viết bài báo này cách đây hơn 10 năm (2009) để tham luận trong một tọa đàm về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Khoa học, nhưng công trình này chưa được công bố, đăng tải. Nay xin trân trọng giới thiệu và ngẫm lại để có những hành động tiếp theo cho chủ đề đặc biệt này.

## **1. Đào tạo theo học chế tín chỉ là xu hướng tất yếu**

Chuyển đổi đào tạo bậc Đại học và cao đẳng từ niên chế sang học chế tín chỉ (sau đây gọi là đào tạo tín chỉ) đã trở thành xu hướng tất yếu, được thể chế hóa bằng các văn bản pháp qui của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp chấn hưng nền giáo dục nước nhà. Trên thế giới, tại các quốc gia phát triển như Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Úc... trong hệ thống giáo dục đào tạo họ đã áp dụng, trải nghiệm và minh chứng được tính ưu việt của đào tạo tín chỉ từ hàng chục thập niên của thế kỷ qua. Ngày nay, hầu hết các châu lục trên thế giới, do xu thế phát triển toàn cầu hóa, khu vực hóa và hiện đại hóa mà họ đã liên kết, thống nhất đưa ra các tiêu chuẩn về giáo dục đào tạo bậc Đại học và sau Đại học, như “tiêu chuẩn Tây Âu”, “tiêu chuẩn Bắc Mỹ”... hướng đến sự tích hợp những tinh túy từ nền giáo dục của các Quốc gia lân cận và tạo ra những “công nghệ đào tạo” đặc thù của vùng.

Ở châu Á, đặc biệt các nước khối ASIAN, như Thái Lan, Singapore, Philippine, Malayxia... tại các trường Đại học cũng đã có bề dày áp dụng đào tạo tín chỉ (miền Nam Việt Nam trước 1975 cũng đã nằm trong xu thế đó) và đang từng bước hội nhập hình thành mô hình “tiêu chuẩn hóa”, “Quốc tế hóa”, “khu vực hóa” việc giáo dục đào tạo Đại học và sau Đại học.

Ở nước ta, các trường Đại học thành phố Hồ Chí Minh như Đại học Bách khoa, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc tế và nhiều trường Đại học Bán công hay Dân lập khác đã chuyển đổi sang học chế tín chỉ từ nhiều năm nay. Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh là tiên phong nhất, đã chuyển đổi từ những năm 1993- 1994. Đến nay đã trải qua nhiều chặng đường thăng trầm, có không ít kinh nghiệm tích cực quý báu, và cũng không tránh khỏi những “cái giá phải trả” để đạt được “tiêu chuẩn”, có khả năng hội nhập cao như ngày nay. Tại ĐHQG Hà Nội, các trường Đại học phía Bắc và Đại học Đà Nẵng, cũng như một số trường Đại học phía Nam và một số trường còn lại ở thành phố Hồ Chí Minh cũng đã lần lượt chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ trong những năm gần đây. Đại học Huế nói chung và Đại học Khoa học nói riêng, việc chuyển đổi này đang thực sự khởi động bước đầu, như vậy so với hai đầu đất nước là có trễ muộn. Nhiều ý tưởng sáng tạo, bài học, cơ hội, thách thức và nhiều vấn đề mới đang đặt ra cho chúng ta.

## **2. Đổi mới toàn diện, đồng bộ các khâu then chốt trong hệ thống đào tạo hiện tại để hướng đến đào tạo tín chỉ**

Để hoàn thiện theo đào tạo tín chỉ trong tương lai, với điểm xuất phát ở hiện tại của nhà trường, chúng ta phải xác định từng bước đổi mới toàn diện và đồng bộ các khâu then chốt sau đây: 1) Xây dựng chương trình đào tạo khoa học, tích hợp nhóm ngành và phù hợp; 2) Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý và cán bộ phục vụ đào tạo; 3) Nội dung, phương pháp dạy và học; 4) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học; 5) Hệ thống học liệu, thư viện, giáo trình, tài liệu, tư liệu theo đào tạo tín chỉ; 6) Hệ thống tiêu chí đánh giá (phương pháp, công cụ, ngân hàng đề...), Trung tâm khảo thí, bộ phận đảm bảo chất lượng và công tác thanh tra giáo dục; 7) Vai trò các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội - công tác quản lý và phục vụ sinh viên trong nhà trường phù hợp đào tạo tín chỉ; 8) Hệ thống hỗ trợ khác phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học như: Phần mềm “thông minh” quản lý đào tạo, vai trò các Trung tâm, hệ thống phòng thí nghiệm, các Doanh nghiệp; môi trường thực tập, thực tế và nghiên cứu khoa học; cũng như những hoạt động hướng nghiệp và chuẩn bị môi trường nghề nghiệp cho sinh viên trong suốt quá trình học và sau khi ra trường. Hợp tác hóa và Quốc tế hóa dần chương trình đào tạo, các hoạt động giáo dục - đào tạo và môi trường nghề nghiệp cho sinh viên khi ra trường.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ đề cập một trong các khâu đổi mới trên, đó là “Giáo trình, tài liệu trong đào tạo tín chỉ”. Đổi mới đồng bộ, tối ưu hóa việc phục vụ cho người học, trong đó trước hết là việc lĩnh hội tri thức, đặt ra một nhu cầu tất yếu về sự hoàn thiện dần hệ thống thông tin, giáo trình, tài liệu cung cấp kịp thời, đầy đủ và hiệu quả nhất cho công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học. Đây là một khâu then chốt, có quan hệ biện chứng với các khâu trong đào tạo tín chỉ, đặc biệt là kết cấu chương trình đào tạo, nội dung và phương pháp dạy và học. “*Bởi nó liên quan trực tiếp đến người học - “thượng đế” - là đối tượng mà đào tạo hiện đại phải nhắm tới với những năng lực phục vụ họ tốt nhất*” [TS Nguyễn Thanh Nam, ĐHBK thành phố HCM, 2007]. Đề cập đến vấn đề “Giáo trình, tài liệu trong đào tạo tín chỉ”, đến nay không có mấy nguồn thông tin hay các công trình đã nghiên cứu. Ở đây xin mạnh dạn nêu lên ý kiến của tác giả theo cách tiếp cận từ việc tham khảo một số tài liệu, phỏng vấn các chuyên gia, học hỏi và quan sát trực tiếp tại các trường Đại học trong và ngoài nước.

Các vấn đề đặt ra ở chủ đề này là: 1) Để đáp ứng nhu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ thì cần một hệ thống thông tin, giáo trình và tài liệu như thế nào cho phù hợp, hiệu quả?; 2) Với thực trạng hiện tại của trường Đại học khoa học - một trường đa ngành, đa lĩnh vực, nhiều ngành có lịch sử truyền thống lâu dài, nhiều ngành vừa ra đời còn quá mới mẻ, thiếu thốn mọi phương diện và với hệ thống thư viện như hiện tại... - cần phải có những bước đi như thế nào trong khâu “giáo trình, tài liệu” để đáp ứng được lộ trình của sự chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ?; 3) Đến bao giờ và kết quả mong đợi trong mỗi giai đoạn là gì để chúng ta hòa vào được mạng lưới đào tạo tín chỉ đúng với chuẩn Quốc gia, khu vực và Quốc tế?

### **3. Viễn cảnh tối ưu hệ thống thông tin, giáo trình và tài liệu đáp ứng nhu cầu người học trong đào tạo tín chỉ**

Trong các trường Đại học ở các nước phát triển ở Bắc Mỹ, phương Tây, Úc và các nước trong khu vực như: Đại học Harvard, Boston College, Jame Madison Hoa kỳ; Dalhousie Canada; Đại học Singapo; Đại học RMIT Úc (Viện công nghệ hoàng gia Úc); Đại học AIT Thái lan (Viện công nghệ châu Á)... người ta cho rằng “thư viện là linh hồn” của một trường Đại học. Hệ thống thư viện hoàn hảo được phân theo các cấp độ khác nhau, phục vụ tối đa nhu cầu đào tạo, bao gồm: Thư viện lớn trung tâm của Nhà trường; thư viện của mỗi Khoa; thư viện của mỗi Bộ môn (đây là thư viện chuyên ngành quan trọng nhất); thư viện tại văn phòng làm việc của các Giáo sư (GS), các thầy cô giáo... Đối tượng đào tạo có thể tiếp cận bất cứ cấp nào để thỏa mãn nhu cầu về thông tin và thuận tiện nhất cho việc học tập, nghiên cứu. Sinh viên càng về năm học cuối thì thư viện của cấp Khoa, Bộ môn và thư phòng của các GS càng trở nên quan trọng đối với họ.

Loại hình giáo trình, tài liệu rất phong phú, đa dạng, dưới dạng hiện vật hoặc đã được số hóa đưa vào mạng, như: sách, tạp chí, băng hình, đĩa CD, phim, ảnh...; Cách tiếp cận cũng rất thuận tiện, chẳng hạn tại thư viện trường việc mượn tài liệu hiện vật có thể qua “quầy có người phục vụ”, “quầy tự chọn”, “quầy tự động” (quản lý các nguồn tài liệu hiện vật bằng mã vạch). Hoặc có thể truy cập vào máy tính của thư viện hay máy tính cá nhân vào mạng nội bộ, internet, các trang web... để tiếp cận với bất cứ nguồn tài liệu nào mà mình muốn và thời gian truy cập là không hạn chế.

Việc quản lý nguồn giáo trình, tài liệu và sinh viên trong tiếp cận nguồn tài liệu tại các thư phòng của GS thường do các trợ giảng, phụ tá của GS, hoặc cán bộ tư liệu của Bộ môn phụ trách. Một môn học có nhiều giáo trình, trong đó có một giáo trình chính, và có rất nhiều tài liệu chuyên khảo, tham khảo. Một tài liệu tham khảo, chuyên khảo có thể dành phục vụ cho nhiều môn học cận nhau. Thông thường khi dạy một môn học nào đó, các GS có từ 1 đến 3 trợ giảng, phụ tá (tùy vào môn học và số lượng sinh viên lớp học). Trợ giảng là các học viên NCS, cao học và các cán bộ trẻ trong quá trình tập sự. Vai trò trợ giảng thể hiện trong suốt quá trình dạy trên lớp; hướng dẫn thảo luận; hướng dẫn cung cấp giáo trình, tài liệu, tư liệu; chấm bài kiểm tra, tiểu luận, bài tập lớn (được gửi vào ngăn hộp thư, hoặc qua địa chỉ Email của GS); hướng dẫn thực tập, thực tế cho sinh viên...

Quản lý các thư viện trong trường Đại học được xem là một nghề nghiệp xã hội, chuyên nghiệp quan trọng. Nhân viên là những người có trình độ chuyên môn, có tâm huyết, tinh thông nghiệp vụ, đầy đủ phẩm chất, thái độ và kỹ năng phục vụ người dạy, người học và các nhà nghiên cứu

một cách hiệu quả nhất. Giờ mở cửa của các thư viện cũng tối đa, đặc biệt thư viện lớn của nhà trường mở cửa 24/24 giờ. Mỗi khi trong thư viện chỉ có một sinh viên mà cả hệ thống vẫn sẵn sàng phục vụ. Toàn thư viện là một tòa nhà lớn khép kín, kiến trúc đẹp, hấp dẫn, sang trọng, rộng rãi, thoáng, thuận tiện nhất để có thể ngồi học bất cứ ở đâu. Trong thư viện trường có nhiều phòng học nhỏ dành cho các lớp chuyên đề, chuyên ngành, và có đầy đủ hệ thống căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống, giải khát. Quang cảnh quanh thư viện như là công viên thoáng đẹp, với những thảm cỏ xanh, rợp bóng cây, nhiều ghế đá. Những ngày nắng đẹp, không khí học tập của sinh viên tràn ngập quanh thư viện.

Bộ phận “sản xuất thông tin” là khâu quan trọng của thư viện, rất linh hoạt, thường xuyên đặt hàng, cập nhật, thông báo nguồn mới đến đối tượng phục vụ. Các quầy photo nội bộ trong các thư viện, các khoa hay các quầy tự do muốn cobby nguyên bản một giáo trình hay tài liệu nào thì phải có giấy phép bản quyền tác giả, hoặc có sự đồng ý của các chủ thể, cơ quan quản lý trực tiếp.

Giảng viên khi đảm nhận một môn học nào đó trước hết phải thông qua Bộ môn chuyên ngành phê duyệt về đề cương chi tiết bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả mong đợi trong mỗi giai đoạn của nội dung chương trình môn học. Sau đó, những nội dung này giảng viên (GS hoặc trợ giảng) phải giới thiệu chi tiết cho sinh viên ngay buổi học đầu tiên. Trong đề cương chi tiết bài giảng môn học, giảng viên cung cấp cho người học nội dung chi tiết, yêu cầu, mục đích và đặc biệt là giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo cho mỗi chương mục của môn học rất cụ thể, như: loại sách nào, trang, mục, tác giả, năm xuất bản, nhà xuất bản, các loại tài liệu đó hiện đang có tại thư viện nào. Đồng thời giới thiệu chi tiết những trang Web, những học liệu cần thiết phục vụ cho việc lĩnh hội các cấp độ tri thức của môn học đó.

Vai trò bộ phận hành chính phụ trách về công tác học liệu phục vụ học tập của Khoa, Bộ môn là phục vụ kịp thời. Trên cơ sở yêu cầu của giảng viên và số lượng sinh viên đăng ký môn học, trước khi môn học bắt đầu bộ phận này nhân bản hai loại tài liệu bắt buộc: 1) Bài giảng hoặc đề cương chi tiết bài giảng và 2) Tài liệu tham khảo của môn học do giảng viên của môn học đó biên tập (có khi dày đến 1000 trang). Sau đó cung cấp đầy đủ hai tài liệu này đến mỗi học viên ngay buổi học đầu tiên của môn học đó. Còn những học liệu hiện vật khác như băng hình, đĩa CD, phim... liên quan đến các hoạt động của môn học thì sinh viên có thể tìm thấy tại thư viện trường.

Phương pháp dạy học trong đào tạo tin chỉ đề cao tính chủ động, tích cực hóa và thực sự biến người học thành trung tâm, *“Giáo viên chỉ dạy những kiến thức cơ bản, đóng vai trò hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra quá trình học, không làm thay người học. Còn người học phải tự điều khiển quá trình tiếp thu kiến thức, tham khảo mở rộng kiến thức theo các tài liệu, sách vở, dưới sự điều khiển sự phạm của giáo viên”*. [GS.VS. Nguyễn Văn Đạo, nguyên Giám đốc ĐHQG Hà Nội].

#### **4. Hiện trạng, vấn đề đặt ra và hướng đi của công tác giáo trình, tài liệu trong đào tạo tin chỉ tại Đại học Khoa học, Đại học Huế**

##### **4.1. Cải tiến và đổi mới từng bước, từng bộ phận công tác thư viện**

Đánh giá lại hiện trạng mọi mặt, mọi cấp của thư viện trong nhà trường: Từ hệ thống các loại sách, tạp chí và cần được phân cấp, phân loại theo mảng, theo các khoa học, (Tự nhiên, Xã hội nhân văn, Khoa học công nghệ, theo khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành...), đến việc phân cấp quản

lý, phục vụ. Đánh giá lại nguồn nhân lực, đặt ra yêu cầu đào tạo nhân lực cụ thể trong các khâu của thư viện cho những năm tới. Phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị và kỹ thuật công nghệ theo hướng hiện đại phục vụ hiệu quả nhất. Chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa nhân lực các bộ phận, trong đó cần xây dựng bộ phận “sản xuất và phân phối thông tin”. Bộ phận này có rất nhiều hoạt động, chẳng hạn có một hoạt động như: theo dõi các chủ đề nóng hổi, các tạp chí, phim khoa học trên các phương tiện thông tin đại chúng, cập nhật thường xuyên và chuyển hóa, số hóa thành tài liệu phục vụ dạy và học. Đa dạng hóa các loại hình tài liệu: Bảng hình, phim ảnh khoa học theo chủ đề của từng bài học, bài thực hành, bài dã ngoại... từng môn học, theo “đơn đặt hàng” của các giáo viên, bộ môn.

Chú trọng việc hiện đại hóa phong cách, thái độ, kỹ năng và thời gian phục vụ. Đầu tư đón đầu về công nghệ đào tạo và hiện đại hóa phương thức phục vụ với phương châm “người học là thượng đế”. Đào tạo đội ngũ cán bộ thư viện các cấp có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất và năng lực phục vụ theo hướng hiện đại, hiệu quả nhất. Đúng nghĩa là “bộ phận phục vụ đào tạo”. Trong những năm tới cần mở rộng không gian thư viện, chẳng hạn hội trường KH2 sẽ trở thành phòng đọc và trang bị hệ thống truy cập mạng và cảnh quang quanh thư viện trường cần được kiến trúc lại, tạo ra môi trường tự học.

Trong thư viện cần xây dựng thư viện theo khối ngành, nhóm ngành, Khoa, Bộ môn, trong đó tập trung vào công tác giáo trình, tài liệu, bài giảng cho từng bộ môn và môn học. Các kết quả công trình nghiên cứu, bài báo, bài viết hội nghị hội thảo khoa học cần được hệ thống hóa để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các môn học. Đồng thời chú trọng xây dựng thư viện và tư liệu hóa kết quả nghiên cứu tại các Trung tâm và các phòng thí nghiệm thành hệ thống tài liệu phục vụ đào tạo.

Tạo môi trường tự học: Đa dạng hóa hệ thống phòng tự học, môi trường học cho sinh viên như hành lang, vỉa hè, ghế đá sân trường dưới các bóng cây khi trời nắng đẹp... không khí học diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc. Đào tạo tín chỉ đòi hỏi học liên tục, đánh giá liên tục nên không chỉ trong thư viện, tại các giảng đường mà ở mọi nơi hệ thống quản lý đều hướng tới việc phục vụ tối đa cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

#### **4.2. Hiện đại hóa công tác giáo trình, tài liệu**

Bên cạnh việc đổi mới công tác quản lý thư viện hiện vật, cần đẩy nhanh việc “số hóa thư viện” dưới dạng dữ liệu, băng, đĩa CD, phim... - thư viện điện tử, đưa vào mạng Internet, vào các trang Web. Giáo trình và tài liệu trên mạng: mỗi môn học trong đào tạo tín chỉ yêu cầu phải có tối thiểu 1-2 giáo trình chính và nhiều tài liệu tham khảo bổ trợ khác, tùy theo cấp độ tri thức và yêu cầu lĩnh hội ở người học do môn học đó đặt ra; Từ cấp độ lý thuyết kinh điển - trừu tượng, cấp độ đi sâu chuyên ngành - thực nghiệm cụ thể, cho đến cấp độ triển khai, ứng dụng - kỹ năng giúp sinh viên tác nghiệp tay nghề. Trên thực tế, hiện tại “*nhìn chung, tài liệu tham khảo đối với sinh viên có lẽ vừa thiếu, vừa thừa, thiếu sách chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó, nhưng thừa sách tham khảo về những kiến thức chung, đại cương. Với sinh viên những năm thứ 3, năm cuối và kể cả những nhà nghiên cứu, thì nhu cầu chủ yếu là tham khảo các sách chuyên sâu về một lĩnh vực chuyên ngành họ quan tâm. Những sách loại này và tài liệu tham khảo về các tác phẩm có tri thức kinh điển hiện trên thực tế rất thiếu*”. [PGS. TS. Hoàng Thu Hương, ĐHKHXH&NV Hà Nội].

Tài liệu tham khảo theo chuyên môn hẹp, cận ngành và liên ngành (khối ngành và nhóm ngành) cũng được đa dạng hóa loại hình bằng các ấn phẩm, đĩa CD và đưa vào mạng, trang Web. Hệ thống tạp chí khoa học chuyên ngành, liên ngành và xuyên ngành một mặt tạo điều kiện công bố kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, phổ biến các tư liệu tiếp thu từ nước ngoài một cách có chọn lọc. Mặt khác, góp phần hỗ trợ rất đắc lực, hiệu quả cho việc học tập, nghiên cứu của giáo viên và đại bộ phận sinh viên, hỗ trợ quá trình phát triển ý tưởng cho người học *“đôi với những người muốn theo đuổi xa hơn nữa một số chủ đề đang được tranh luận, đã có một danh mục các tài liệu tham khảo chọn lọc - được viết từ các quan điểm khác nhau – cung cấp ở phần tài liệu tham khảo. Trong các tài liệu đó một số là những sách giáo khoa nhập môn tiêu chuẩn và một số là những sách cao hơn”* [Nghiem Xuân Nùng, Lâm Quang Thiệp].

Hiện tại ĐHH với dự án mức C đã trang bị cho nhà trường hệ thống mạng khá đầy đủ, đây là điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật và truy cập thông tin phục vụ đào tạo tín chỉ. Công tư liệu giáo trình, bài giảng và đào tạo điện tử là một hệ quản lý khoá học, giúp tạo ra các khoá học trực tuyến, phân phối nội dung khoá học từ giảng viên đến sinh viên và phản hồi những ghi nhận về quá trình tham gia của sinh viên. Thiết kế có tính module của Công tư liệu giáo trình, bài giảng và đào tạo điện tử giúp cho dễ dàng tạo các "trang" học, cập nhật nội dung mới lời cuốn người học hơn.

Công tư liệu giáo trình, bài giảng và đào tạo điện tử có rất nhiều tiện dụng trong học tập, trong đó: 1) có thể truy cập khoá học bằng cách sử dụng bởi bất kì trình duyệt Web; 2) Tìm được Giáo trình - Bài giảng - Tài liệu tham khảo cho khoá học một cách nhanh chóng, đa dạng; 3) Tạo tính năng động và kích thích khả năng tìm kiếm thông tin độc lập của sinh viên; 4) Hoạt động phản hồi hai chiều giữa sinh viên và giáo viên; 5) Nắm chắc lịch và các hoạt động, cũng như tiến hành việc học ở bất cứ nơi nào có thể sử dụng Internet; 6) Tự do trao đổi trên diễn đàn khoá học với các sinh viên lớp khác, trường khác trong mọi thời điểm khác nhau; 7) Điều kiện thực hiện phương châm "Học đi đôi với hành" qua hàng loạt các hoạt động mở, các dạng bài tập phong phú, các mô hình, các trò chơi... tạo môi trường học linh hoạt nhất cho sinh viên.

Tuy nhiên, công tư liệu được đề cập nói trên đang được ĐHH đưa vào hoạt động thí điểm và đã đào tạo các khoá học thử nghiệm đầu tiên để sớm đi vào sử dụng trong tương lai không xa và đây sẽ là hướng phục vụ tích cực cho công tác giáo trình và tài liệu trong đào tạo tín chỉ.

### **4.3. Công tác “sản xuất học liệu”**

*“Những biến đổi nhanh chóng trên thế giới và trong xã hội Việt Nam đã đòi hỏi rằng các giáo trình phải được đổi mới liên tục để đáp ứng được các nhu cầu của tương lai. Những kết quả nghiên cứu và việc tiếp cận các công trình nghiên cứu mới đã thường xuyên ảnh hưởng đến các giáo trình giảng dạy”.* [Oscar Salemenk, nguyên đại diện Quỹ Ford tại Việt Nam, 2002]

Số hóa giáo trình, tài liệu, sách tham khảo hiện có tại các thư viện theo khối ngành bằng việc quét Scanner với máy tốc độ cao, từng bước đưa vào mạng để phục vụ dạy và học qua mạng, hoặc in ghi thành dưới dạng đĩa CD để cung cấp cho người học khi mà sách giáo khoa mua trên thị trường khan hiếm, quá đắt không phù hợp với túi tiền của sinh viên. Tuy nhiên, việc số hóa các loại sách này sẽ vấp phải khó khăn, trở lực là vấn đề giấy phép bản quyền sở hữu trí tuệ của tác giả được chấp thuận như thế nào.

Một vấn đề nữa là vai trò, trách nhiệm của các quầy photocopy trong việc cung cấp tài liệu cho sinh viên. Trên thực tế, hầu hết sinh viên hiện nay đang sử dụng giáo trình, tài liệu mua từ các quầy photocopy có sẵn, với giá phải chăng. Khi chuyển sang đào tạo tín chỉ, nhu cầu lớn đặt ra về tài liệu học tập thì chắc chắn việc cung cấp tài liệu sẽ là cơ hội kinh doanh cho mạng lưới photocopy này. Dù sao, trước mắt đây cũng là “lực lượng chủ chốt” góp phần cung cấp tài liệu cho người học một cách tích cực nhất, khi các hệ thống cung cấp khác còn nhiều chậm trễ, thiếu hụt, đắt đỏ và rườm rà về cơ chế phục vụ. Tuy nhiên, quản lý photocopy là một vấn đề nan giải, nên cần có chế tài về bản quyền tác giả.

#### **4.4. Bổ sung nguồn giáo trình, tài liệu**

Đây là vấn đề then chốt. Cần có chế độ thích đáng, khuyến khích, động viên các nhà khoa học viết giáo trình, tài liệu tham khảo. Một mặt, “nguồn sống” của các dạng học liệu phục vụ đào tạo có phát triển, hiện đại, cập nhật, và phục vụ tối ưu nhu cầu người học hay không phải nói đến vai trò người cung cấp, người viết - giáo viên, các nhà khoa học - *“việc học và tự học suốt đời đã trở thành yêu cầu bắt buộc đối với mỗi con người trong thời đại của chúng ta nên nội dung học tập ở tất cả các cấp học phải được xem xét lại theo chiều hướng giảm khối lượng tới mức tối thiểu, chỉ giữ lại những kiến thức rất cơ bản với các tài liệu, các giáo trình thật sinh động, hấp dẫn và chính xác do những nhà khoa học hàng đầu của đất nước biên soạn”* [GS.VS. Nguyễn Văn Đạo, 2002].

Mặt khác, cần thể chế hoá và có chính sách thích đáng trong quan hệ giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giáo viên và các nhà khoa học. Khuyến khích xã hội hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kích thích sự sáng tạo và nhiệt huyết của họ. Cải tiến chế độ nhuận bút, đơn giản hóa thủ tục xuất bản và nâng cao chất lượng. Tăng cường tính pháp chế về quyền sở hữu trí tuệ. *“Hoạt động nghiên cứu và giảng dạy có liên hệ biện chứng chặt chẽ. Các kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn là nguồn tài liệu quý bổ sung kịp thời cho các nội dung giảng dạy đã được xếp thành hệ thống và được xuất bản thành các tài liệu chính thức”* [PGS.TS Mai Quỳnh Nam, 2001]

Đồng thời, trong mỗi trường Đại học cần khẳng định và đề cao vai trò của Bộ môn chuyên ngành (HĐKH Bộ môn) trong việc đề xuất, xây dựng, phê duyệt chương trình đào tạo, đề cương môn học, công tác tư vấn, cố vấn, cơ sở vật chất, đặc biệt đề xuất các nhà khoa học viết giáo trình và tài liệu tham khảo.

Phối hợp đồng bộ và phân cấp kinh phí có hiệu quả cho các cấp trong nhà trường (từ thư viện Trường, Khoa, Bộ môn, thư phòng của các GS, PGS và giảng viên) xây dựng hệ thống học liệu phục vụ tối đa cho người dạy và người học. Tiết kiệm kinh phí và đảm bảo công bằng về tài chính cho giáo viên trong đào tạo và tự đào tạo. Dùng các chi phí như đi đọc tài liệu hàng năm, báo chí, tài liệu trong các đề tài nghiên cứu khoa học để bắt buộc giáo viên mua sắm tài liệu tại phòng làm việc và được vào sổ quản lý của đơn vị, nhà trường. Trong trường hợp giáo viên đó vì một lý do nào hoặc nghỉ hưu, hoặc chuyển công tác thì sổ tài liệu này được giao lại cho các cán bộ mới thay thế, hoặc nhập vào thư viện khoa, bộ môn quản lý.

#### **4.5. Hợp tác Quốc tế để tranh thủ ngoại lực trong phát triển học liệu**

*“Công việc phát huy giáo trình mới là một con đường hai chiều. Kinh nghiệm nghiên cứu và đào tạo của các giảng viên Việt Nam cần được “Quốc tế hoá”, và nội dung của các giáo trình, sách tham khảo, phương pháp*

*luận nước ngoài nên được “Việt Nam hoá”. Điều này đòi hỏi phải nâng cao năng lực thông qua các dự án nghiên cứu khoa học cơ bản và các cơ hội nhận học bổng ở nước ngoài, đồng thời phải hợp tác và giao lưu thường xuyên có hệ thống giữa các đơn vị nghiên cứu và đào tạo. Công việc như thế sẽ đòi hỏi phải có những cơ chế chung nào để xem xét các yêu cầu dịch sách nước ngoài” [Oscar Salemenk, 2002].*

Trong các dự án liên kết nghiên cứu, đào tạo với nước ngoài, cần chú trọng công tác xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu, biên dịch giáo trình, tài liệu. Hoặc tìm các đối tác có khả năng cung cấp về học liệu và lập các dự án về phát triển học liệu phục vụ đào tạo giai đoạn mới của nhà trường. Có rất nhiều các Quỹ, các trường Đại học, các Viện nghiên cứu của nhiều nước trên thế giới đã và đang có những hợp tác tại Việt Nam và nhiều đối tác mới xuất hiện. Các đối tác này chưa thực sự quan tâm đến miền Trung bởi nhiều lý do khách quan và chủ quan.

#### **4.6. Liên kết hệ thống thông tin, thư viện phục vụ tối đa về nhu cầu người học**

Thiết lập mạng lưới, nối mạng quản lý (bằng thẻ đa năng) nhằm khai thác tối đa các nguồn tài liệu trong hệ thống thông tin tư liệu hiện có trên địa bàn Thừa Thiên Huế, trước hết là thuộc ĐHH như: Thư viện tỉnh; Trung tâm học liệu ĐHH, Thư viện trường ĐHKH và các trường thuộc ĐHH, thư viện các Khoa, Bộ môn chuyên ngành; thư viện của các Trung tâm nghiên cứu. Từng bước hướng đến xây dựng thư phòng của các PGS, GS và của cán bộ giảng dạy.

Các cơ sở này cần có sự phối hợp chặt chẽ, thuận lợi cho sinh viên toàn ĐHH dễ dàng nhất trong việc khai thác và sử dụng thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Đồng thời thiết lập một mạng lưới thông tin không chỉ trong phạm vi ĐHH mà nối dài trong cả nước và nối mạng Quốc tế qua hệ thống Internet (đa dạng ngôn ngữ để khuyến khích người học tham khảo).

#### **5. Thay lời kết**

Đối với thực trạng của nhà trường, đổi mới công tác giáo trình, tư liệu nói riêng và các khâu trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ nói chung, các vấn đề có tính phương pháp luận khi thực hiện chuyển đổi là: Trước hết, cần phải tự đánh giá xác định thực lực, hiện trạng và chỗ đứng trên mọi phương diện của Nhà trường và mỗi đơn vị hiện nay đang phù hợp với trình độ nào? Sau đó, tiến hành từng bước đổi mới một cách đồng bộ, toàn diện, có lộ trình và đặt ra kết quả mong đợi cho từng giai đoạn thật rõ ràng. Phải căn cứ vào những điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi bộ phận, mỗi đơn vị trong Nhà trường để có bước đi, nhịp độ thích hợp. Đổi mới từ mỗi bộ phận nhỏ, bộ phận nào tiên tiến cho đầu tư, đổi mới trước để làm đầu tàu, tiến tới dần đổi mới toàn bộ. Tránh tư tưởng chủ quan, nóng vội, đầu tư lãng phí, cào bằng... do thiếu tầm nhìn, không có qui hoạch tổng thể, không đặt ra kết quả mong đợi và đánh giá cho từng giai đoạn.

Nên xây dựng nhiều phương án, tùy theo tình hình cụ thể trong mỗi giai đoạn để ưu tiên lựa chọn hợp lý nhằm khai thác hết mọi nguồn lực cho mục tiêu chung. Biết phát huy nội lực của mỗi bộ phận, đơn vị và tranh thủ ngoại lực từ hợp tác Quốc tế và các nguồn lực khác, tận dụng cơ hội để phát triển rút ngắn, hiệu quả nhất. Tăng cường công tác chuyên gia, thường xuyên tự đánh giá, tổng kết những bài học kinh nghiệm, điều chỉnh những lệch lạc để phấn đấu đến sau 2020 trường ĐHKH đạt chuẩn Quốc gia và Quốc tế về đào tạo học chế tín chỉ.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Rane E. Pollock (2001), Hồng Lạc biên dịch, "*Các phương pháp dạy học hiệu quả*", Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Quentin Stodola, Kelmer Stordahl - Nghiêm Xuân Nùng biên dịch, Lâm Quang Thiệp hiệu đính và giới thiệu (1996), "*Trắc nghiệm và đo lường cơ bản trong giáo dục*", Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Lê Đức Ngọc (2004), "*Giáo dục Đại học (quan điểm và giải pháp)*", Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4]. Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh (2001), "*Thế kỷ XXI - Những vấn đề quan tâm – Xã hội học Việt Nam hiện nay và mạng lưới thông tin tư liệu trong tương lai*", Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội (2002), "*Đổi mới phương pháp dạy và học các Khoa học Xã hội và Nhân văn*", Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Quỹ Ford tài trợ.